Nội dung bài viết

1. Soạn Unit 9 A closer look 1 lớp 7 Global Success

***Soạn Unit 9 A closer look 1 lớp 7 Global Success***

**1 (trang 94 Tiếng Anh 7 Global Success):** Write under each picture a festival name from the box (Viết dưới mỗi bức tranh một tên lễ hội từ hộp)

Cannes Film Festival
Christmas
Mid-Autumn Festival
Halloween
Thanksgiving
Easter

1. _____

2. _____

3. _____

4. _____

5. _____

6. _____

**Lời giải:**

1. Halloween (Lễ hội hoá trang)

2. Christmas (Giáng sinh)

3. Mid-autumn festival (Trung thu)

4. Cannes Film Festival (Liên hoan phim Cannes)

5. Easter (Lễ phục sinh)

6. Thanksgiving (Lễ Tạ ơn)

**2 (trang 94 Tiếng Anh 7 Global Success):** Complete the table below with the phrases from the box (Hoàn thành bảng dưới đây với các cụm từ trong hộp)

| | |
|---|---|
| having a feast | chocolate eggs |
| turkey | carving pumpkins |
| moon cakes | candy apples |
| painting eggs | performing a lion dance |

| Festival | Food | Activity |
|---|---|---|
| Easter | | |
| Halloween | | |
| Mid-Autumn Festival | | |
| Thanksgiving | | |

**Lời giải:**

1. Easter (Lễ phục sinh)

- Food: chocolate eggs (trứng sô cô la)

- Activity: painting eggs (vẽ, tô trứng)

2. Halloween (Lễ hội hoá trang)

- Food: candy apples (kẹo táo)

- Activity: carving pumpkins (khắc bí ngô)

3. Mid-Autum festival (Trung thu)

- Food: moon cakes (bánh trung thu)

- Activity: performing a lion dance (biểu diễn múa lân)

4. Thanksgiving (Lễ Tạ ơn)

- Food: turkey (gà tây)

- Activity: having a feast (ăn tiệc)

**3 (trang 94 Tiếng Anh 7 Global Success):** Fill in each blank with a word or phrase from the box (Điền vào mỗi chỗ trống với một từ hoặc cụm từ trong hộp)

**Lời giải:**

| | | |
|---|---|---|
| 1. Christmas | 2. painting eggs | 3. candy apples |
| 4. Cannes Film Festival | 5. Mid-Autumn Festival | 6. turkey |

**Hướng dẫn dịch:**

1. Vào lễ Giáng sinh, mọi người tặng quà cho nhau.

2. Các con tôi thích vẽ những quả trứng vào lễ Phục sinh.

3. Bạn cần bao nhiêu quả táo kẹo cho bữa tiệc Halloween?

4. Tại Liên hoan phim Cannes, có rất nhiều bộ phim hấp dẫn.

5. Biểu diễn múa lân là một trong những hoạt động vào dịp Tết Trung thu.

6. Mẹ của Bill đang nấu một con gà tây cho Lễ Tạ ơn.

**4 (trang 94 Tiếng Anh 7 Global Success):** Listen and repeat. Then underline the stressed syllable in each word (Lắng nghe và lặp lại. Sau đó gạch dưới âm tiết được nhấn trọng âm trong mỗi từ)

**Nội dung bài nghe:**

| Nouns and Adjectives | Verbs |
|---|---|
| costume | enjoy |
| fireworks | decide |
| turkey | discuss |
| happy | prepare |

**Lời giải:**

- Nouns and adjectives: costumes, fireworks, turkey, happy

- Verbs: enjoy, decide, discuss, prepare

**5 (trang 94 Tiếng Anh 7 Global Success):** Listen and repeat the sentences. Underline the stressed syllables in the bold words. (Nghe và lặp lại các câu. Gạch chân các âm tiết được nhấn mạnh trong các từ in đậm.)

**Lời giải:**

1. We're going to **attend** an Easter **party** at Nick's house.

2. The **dancers** will **perform** traditional dances at the festival.

3. At **Christmas**, people usually buy **presents** for their family.

4. Did you go to the Da Lat **Flower** Festival with your **parents**?

5. My aunt is **clever** and **patient**.

**Hướng dẫn dịch:**

1. Chúng tôi sẽ tham dự một bữa tiệc Phục sinh tại nhà của Nick.

2. Các vũ công sẽ biểu diễn các điệu múa truyền thống tại lễ hội.

3. Vào dịp Giáng sinh, mọi người thường mua quà cho gia đình của họ.

4. Bạn có đi chơi Festival Hoa Đà Lạt với bố mẹ không?

5. Dì của tôi là người khéo léo và kiên nhẫn.